

VV
XBP 2455

NGHỆ DÂN GIAN ĐỒNG NAI

xbp

NGƯỜI CHÂU RO Ở ĐỒNG NAI



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI - 1993

CHI HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN ĐỒNG NAI

NGƯỜI CHÂU RO Ở ĐỒNG NAI

CHỦ BIÊN: HUỲNH TỚI
BIÊN SOẠN: YÊN TRI
ĐÌNH DŨNG
HUỲNH TỚI

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI – 1997

LỜI NÓI ĐẦU

Châu Ro là một trong những dân tộc ít người bản địa cư trú lâu đời ở vùng trung du Đông Nam Bộ. Theo số liệu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai, năm 1994, người Châu Ro có 9.253 người, đứng hàng thứ ba trong cộng đồng gồm 29 tộc người ở Đồng Nai. Đến năm 1997, số dân có tăng, không đáng kể, vẫn nguyên vị trí. Ngoài địa bàn cư trú chủ yếu ở Đồng Nai, người Châu Ro còn có ở Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận với số dân ít hơn và phân bố rải rác ở các vùng rừng, vùng cao.

Người Châu Ro theo ngữ hệ Môn – Khơme, dòng Nam Á; cuộc sống gắn với hệ sinh thái rừng núi trung du miền Đông; có quan hệ mật thiết với các tộc người: *Mạ, Xtiêng, Kơho, Rắklây*; hình như các tộc người này có quan hệ “họ hàng” với nhau về nguồn gốc dân tộc, tổ chức xã hội, sinh hoạt văn hóa... Cũng như người *Mạ, Xtiêng, Kơho*, người Châu Ro chưa có chữ viết. Trong thập niên 60 thế kỷ này có một nhóm người Mỹ thuộc *Viện nghiên cứu Mùa hè* (Summer Institute) la tinh hóa tiếng Châu Ro thành ký tự chữ viết trước hết phục vụ cho việc truyền đạo Tin lành; sau đó được dùng trong một số tài liệu nghiên cứu nhưng chưa phổ biến.

Người Châu Ro chịu khó, gan dạ, đóng góp nhiều thành tích trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Đại biểu Quốc hội khóa I *Điêu Xiêng*, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân *Điêu cải*... là những tấm gương tự hào của người Châu Ro. Các thành tích anh hùng của xã *Phú Lý* (huyện *Vĩnh Cửu*), xã *Túc Trưng* (huyện *Định Quán*) đều ghi dấu công trạng và sự hy sinh lớn lao của người Châu Ro ở địa phương.

Kho tàng văn hóa dân tộc của người Châu Ro khá phong phú nhưng do cuộc sống phân bố rải rác, phải di chuyển nhiều nên kho tàng văn hóa ấy đã mai một, thất tán, hiện có nguy cơ bị hòa tan

vào các dòng văn hóa khác. Kết quả sưu tầm của Chi hội văn nghệ dân gian Đồng Nai cho thấy, sức sống, bản sắc văn hóa của người Châu Ro vẫn còn in dấu trong các sinh hoạt hiện thực, nếu không có hình thức sưu tập, nghiên cứu kịp thời thì e rằng không lâu nữa những dấu hiệu văn hóa còn lại cũng sẽ bị tha hóa, sau này dấu tiền muôn bạc vạn cũng không thể tái hiện được.

Vì thế, với sự tài trợ của Nhà nước và sự giúp đỡ của nhiều đơn vị, **Chi hội văn nghệ dân gian Đồng Nai** tập hợp những tài liệu hiện có, ấn hành tập sách nhỏ **NGƯỜI CHÂU RO Ở ĐỒNG NAI** nhằm góp phần vào việc giữ gìn, phát huy tài sản văn hóa các dân tộc trên địa bàn Đồng Nai. Những tư liệu khảo cứu và truyện kể dân gian trong tập sách chưa thể nêu hết những đặc điểm và tài sản văn hóa của dân tộc Châu Ro, nhưng dấu sao đây cũng là sự cố gắng ban đầu của các tác giả sưu tầm, biên soạn; qua đó có thể nhận diện tổng quát về người Châu Ro ở Đồng Nai. Những nội dung khác hoặc những thiếu sót đang có xin được bổ khuyết bằng các công trình tiếp theo.

Tập sách xin được sử dụng tài liệu sưu tầm đã công bố hoặc chưa công bố của: Tiến sĩ Phan Lạc Tuyên, Thạch Sung, Vũ Xuân Hương và ảnh tư liệu do Thạch sĩ Trường Sơn cung cấp. Vì mục đích

công ích, mong các chủ thể sở hữu tư liệu trên
lượng thứ.

Xin chân thành cảm ơn những cá nhân và
đơn vị đã giúp đỡ cho sự hình thành tập sách này.
Kính mong các độc giả đóng góp nhiều ý kiến mang
tính xây dựng.

CHỦ BIÊN

HUỲNH TỚI

PHẦN MỘT

DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ

Người Châu Ro được gọi bằng nhiều tên
khác nhau. Người Khmer gọi là Ph' nôông. Sách
báo cũ ở miền Nam Việt Nam trước năm 1975 gọi
họ là Ro, Tô, Xốp (Coop)... Danh mục thành phần
các dân tộc Việt Nam của Tổng cục Thống kê ngày
2/3/1978 thống nhất gọi là Châu Ro hoặc Doro.
Đồng bào tự gọi là Chrau Jro (chrau: người; Jro:
tên bộ tộc).

J. Boulbet trong cuốn “Xứ người Mạ, cõi các
thần linh” (Pays des Maa, domaine des génies –

Nggar Maa, nggar Yang) cho rằng người Châu Ro cũng là người Churu, thuộc nhóm người Koon cau (đọc là con chau), người Sơ – Đông Dương (Proto - Indochinois) ở các cao nguyên Nam Đông Dương, chiếm cứ một cách rời rạc và không liên tục các rừng rậm ở xứ Tây Nam xứ sở Mạ. Nhiều làng Jro như vậy là làng giềng của những làng thường trực Việt Nam đầu tiên. Vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, các nhà thám hiểm Pháp mô tả người Jro như là rất gần với người Mạ. H.Maitre cho đó là người Mạ ở đồng bằng và những bức ảnh đầu tiên cho ta thấy họ gần Mạ hơn Jro hiện nay(tr. 134)

Người Châu Ro có nhiều thị tộc cư trú ở các địa bàn khác nhau:

- **Chrau M'Xang** ở vùng Võ Đắc, Tánh Linh – Bình Thuận.
- **Chrau B'Giêng** ở vùng Túc Trưng, Long Khánh.
- **Chrau Chà Lun** ở vùng Gia Kiệm (xưa là Võ Dống), Bảo Chánh.
- **Chrau M'Rơ** ở vùng Bà Lâm – Xuyên Mộc...

Dân số Châu Ro đầu năm 1994 là 9.253 người (4.769 nữ) xếp thứ hai trong số 29 dân tộc ít người ở Đồng Nai. Người Châu Ro là một trong các cư dân bản địa mà địa bàn sinh sống là vùng đồi núi thấp của tỉnh Biên Hòa (cũ). Miền Đông Nam Bộ

còn có người Châu Ro ở các tỉnh lân cận: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Bình Phước, nhưng số lượng ít hơn nhiều.

Một số người Châu Ro lớn tuổi ở ấp Đức Thắng, xã Túc Trưng (Định Quán) cho biết: một tổ tiên của họ là Điều Ú sinh năm 1841, qua đời năm 1964, thọ 123 tuổi nói cho con cháu rõ xưa kia cụ là những người *palây* có quê ở sát ngã bảy (thành phố Sài Gòn), bộ tộc Châu Ro này hồi đó chỉ có vài chục người. Họ trôi dạt dần về phía Đông, con cháu cụ bây giờ định cư ở ấp Đức Thắng. Vì sống du canh, du cư nên bộ tộc này – cũng như cả dân tộc Châu Ro – luôn luôn thay đổi vùng canh tác, họ đi ngược lên vùng trung lưu sông Đồng Nai, tỏa ra nhiều địa điểm khác nhau. Người Việt theo sau, nơi nào người Châu Ro bỏ không làm, thì người Việt trồng trọt ở mảnh đất đó, nhưng vì biết thâm canh nên họ đạt năng suất khá hơn, định cư luôn tại đó.

Huyện Long Khánh có số cư dân Châu Ro đông nhất: 4.001 người (1989 nữ); trong đó xã Xuân Bình có 1.015 nhân khẩu (534 nữ) với 128 hộ và xã Xuân Vinh có 1.649 người (1.238 nữ) thuộc 306 hộ.

Huyện Xuân Lộc có 2.889 người Châu Ro (1.390 nữ) thuộc 565 hộ. Xã Xuân Trường đông nhất, có 1.117 người (569 nữ) với 249 hộ. Xã Xuân Phú có 794 người (399 nữ) với 132; xã Xuân Thọ có 769 nhân khẩu (373 nữ) với 145 hộ. Còn lại,

người Châu Ro sống rải rác ở các xã Xuân Hòa, Xuân Hiệp...

Ở huyện Định Quán, người Châu Ro sống tập trung nhất tại hai ấp Đức Thắng và Đồng Xoài xã Túc Trưng: 2.900 nhân khẩu với 503 hộ.

Huyện Vĩnh Cửu có 76 hộ người Châu Ro với 379 nhân khẩu. Trong đó, ở ấp Lý Lịch xã Phú Lý có 70 hộ người Châu Ro gồm 350 nhân khẩu (181 nữ). 100% bà con Châu Ro của huyện Vĩnh Cửu làm rẫy, có 168 người biết chữ. Theo điều tra năm 1993 về đời sống kinh tế bà con, có 5% hộ tương đối khá, 45% hộ ổn định và 50% hộ thiếu đói.

Huyện Long Thành chỉ có 42 hộ Châu Ro gồm 174 người (93 nữ) ở khá rải rác...

PHẦN HAI

PHƯƠNG THỨC CANH TÁC CỔ TRUYỀN

Như tất cả các dân tộc khác ở miền Đông Nam Bộ và Tây Nguyên – Nam Trường Sơn, nên kinh tế cổ truyền của người Châu Ro là kinh tế nương rẫy, du canh (do đó du cư) “ăn nước trời” dựa trên quan hệ sản xuất tập thể nguyên thủy của công xã nông thôn. Hồi đó, mỗi thị tộc nhỏ bé tập hợp chưa đến 100 nhân khẩu. Mọi người cùng làm cùng hưởng những sản phẩm trồng trọt, hái lượm, đánh cá một cách bình đẳng. Qua tiếp xúc liên tục, lâu dài với các dân tộc anh em khác mà quan hệ

sản xuất tập thể nguyên thủy dần dần tan rã, thay thế bằng lối làm ăn riêng lẻ du canh còn tồn tại đến nay.

Muốn làm rẫy, người chủ gia đình Châu Ro (trước kia là vị già làng có kinh nghiệm nhất, hoặc người đứng đầu làng (*palây*) thấy nơi nào đất ẩm nhiều mùn hoặc đất đỏ tơi xốp thì chọn nơi đó. Rẫy đất xám nghèo mùn và độ phì thường chỉ làm 2 vụ đã kiệt màu thì bỏ. Rẫy đất đỏ tơi xốp phì nhiêu hơn, có thể trồng 3, 4 vụ liền. Các rẫy lọt thỏm giữa rừng già đại ngàn mênh mông có hình thái da beo đánh giá sự có mặt của con người trong thảm thực vật phồn thịnh miền nhiệt đới gió mùa châu Á. Các loại thú thường phá hoại các loại cây trồng trên nương rẫy, có khi chỉ một đêm (hoặc một buổi tối) chúng có thể xóa sạch thành quả lao động cả vụ. Cho nên các rẫy trong một làng thường ở cạnh nhau, rẫy mỗi nhà ngăn cách bằng ranh giới hoàn toàn ước lệ: hàng cây, những hòn đá xếp thành vạch... Các rẫy ở ngoài cùng được rào bằng tre hoặc cành cây khá chắc chắn.

Lựa xong đất làm rẫy (*min*, có nơi gọi là *re*) người ta phát sạch một miếng cỏ bằng nền nhà nhỏ, đêm đó nếu nằm chiêm bao thấy ông bà tổ tiên cho làm thì mới trồng tĩa; nếu không, họ tiếp tục tìm đất mới. Định được nơi làm rẫy, chủ nhà cúng rẫy, van vá các thần (Yang) và ông bà tổ tiên cho được mùa. Lễ vật gồm: một con gà, một chai

rượu, vài chiếc bánh nếp, một chén gạo, một nhúm muối, vài miếng trầu cau... Cúng xong người ta ăn ngay tại chỗ và bắt đầu chặt hạ cây cối và phát các bụi nhỏ, cỏ, dâu leo...

Người Châu Ro ở Đồng Nai có vài kiêng cũ: con *cù lằn* (con cu li hoặc *nhĩ hầu*) vào rẫy; hoặc trút, *trăn, rấn, rùa* chết trong rẫy thì người ta bỏ rẫy đó không làm vì sợ trả lúa sẽ *thất*, gia đình sẽ đau ốm. Muốn làm tiếp tục trên rẫy đó thì phải cúng. Đi làm nếu gặp con *mang* (*mễn, đở*) thì quay về, mai đi làm tiếp. Trong khi làm rẫy phải **cữ *kêu* trời**, không nói tới *toi, dịch*... Người Châu Ro (cũng như người Mạ, người Xtiêng) ở Đồng Nai giải thích: Xưa kia *cù lằn* là ông tổ con người, dạy người làm rẫy cho nên gặp ông tổ thì con cháu phải tránh xa, không được làm kinh động. Như vậy, **con cù lằn là tô tem của người Châu Ro ở Đồng Nai** .

Xưa kia đất rừng còn rộng mênh mông họ bỏ hẳn rẫy cũ. Người Việt đến tiếp tục trồng trỉa trên đất bỏ đi đó, tuy độ phì giảm nhưng không tốn công khai phá. Nay người đông lên, đất chật và tìm đất mới không dễ thì họ chỉ bỏ hóa vài năm cho đất phục hồi rồi lại trồng tiếp tục. Một mảnh rẫy cũ (*re* hoặc *re thâm*) chỉ cần bỏ hóa 2 năm thì cây chồi đã mọc thành rừng chồi. Bảy, tám năm sau cây lớn, đất tích lũy được lượng mùn nhất định, người ta lại có thể làm rẫy trở lại. Gia đình

nào trước đây cũng có ít nhất một rẫy cũ đã làm qua một vụ và rẫy mới (*răm*) vừa khai phá. Các rẫy có thể ở gần hoặc xa nhau tùy địa phương. Một đời người xưa kia thường chỉ quay 3 vòng rẫy là cùng, đó là cách làm rẫy chu kỳ kín. Nhưng có những nhóm dựng nhà rồi lại làm rẫy kế bên, vài năm sau họ bỏ đi và không trở lại làm rẫy cũ

nữa, đó là lối du canh du cư thực sự, nay hầu như không còn.

Mảnh rẫy cũ bỏ hoang từ 2 năm trở lên thì không thuộc quyền sở hữu của bất kỳ ai, người nào muốn làm cũng được. Nhưng để giữ mối quan hệ tốt với người có công khai phá trước thì người tới sau thường đem chai rượu, thuốc hút và trà cau đến nói chuyện. Ở vùng đồng bào Châu Ro rất hiếm xảy ra tranh chấp nương rẫy, mãi gần đây mới có một số bà con *sang ruộng và rẫy* cho các dân tộc anh em đến làm ăn xen kẽ. Ruộng rẫy đem sang thường gần làng xóm, đã bạc màu. Người Châu Ro ngày càng làm rẫy sâu vào vùng rừng núi như vết dầu loang. Khoảng đầu và giữa thập niên 60, đồng bào Châu Ro ở Túc Trưng (xưa là xã Bình Hòa, Định Quán) còn làm ruộng và rẫy ở ven quốc lộ 20 thì nay bà con đã khai phá sâu về phía lâm trường Vĩnh An, Cây Gáo đến 10 km. Năm 1975, bà con ở Bảo Chánh còn làm rẫy ở núi Chứa Chan

(*Gung Char*: núi lớn) thì nay rẫy lui sâu vào phía Thọ Vực hơn 5 km trở lên.

Từ khoảng tháng 1 âm lịch, từng gia đình bắt đầu khai phá rẫy mới và dọn rẫy cũ. Đây là công việc nặng nhọc đòi hỏi nhiều sức người, nên trong xóm làng người ta thường vắn đổi công. Chủ rẫy lo cơm trưa cho những người làm giúp. Chặt hạ cây là việc nặng và nguy hiểm do đàn ông đảm nhiệm. Người ta dùng rìu (*xuong*) hạ cây lớn, rựa (*bra*) hoặc chà gạc (*via*) phát bụi cây nhỏ, dây leo, cỏ tranh... Bộ công cụ lao động của người Châu Ro ngày nay gồm:

* Rìu đốn cây to gọi là *xuong* hoặc *xuong cây* sơ, *xuong* tùy nơi.

* Rựa chặt cây nhỏ gọi là *bra*, *pì bra*; chà gạc gọi là *via* (*wiah*)

* Cào gom cỏ hoặc cây chồi là *xơ xằm bằm*; chĩa tre gom cỏ là *kđạp*.

* Cuốc nhỏ làm cỏ gọi là *nạo*, *nih* cuốc lớn cũng gọi là *cuốc*.

* Cây chọc lỗ trỉa hạt là *chà moi*, *xomol*, *chọtamâng*.

* Dao cắt lúa gọi là *do knhel*, liềm cắt lúa cũng gọi *lưỡi hái*,

* Cái cày gọi là *war*, cái bừa không có tên riêng.

* Cối giã gạo là *kpây*, là *pal*, *n'pal vohva*; chày tay là *r'nây*, *gnây vohva*.

* Nia sấy gạo là *xập pin*, *xa piây*.

* Gùi nhỏ đan thưa đựng củi, trái cây... là *jal*, *xah xoi*; gùi lớn (cái bò) đựng thóc, bắp là *prông*, *xah*.

Theo lời nhiều bà con, xưa kia chà gạo được dùng phổ biến, cũng như rựa, cuốc nhỏ, cây chọc lỗ, gùi nhỏ. Một số loại công cụ mới sử dụng về sau này: các loại rìu, rựa, thuổng, cào cỏ... bằng sắt do trao đổi với các dân tộc anh em mà có. Một số cụ già Châu Ro ở Túc Trưng còn nhớ vào khoảng cách nay năm, sáu chục năm có ông Tám Xương - tín đồ Tin lành - từ Biên Hòa dùng xe đạp chở các loại công cụ sắt này lên bán.

Từ tháng ba âm lịch, cây bị đốn đã khô, người ta đốt đi. Các gốc cỏ sót lại được rẫy nốt bằng cào cỏ (*xạc lai*). Cho đến nay, nhiều bà con Châu Ro còn tin rằng nếu dọn sạch và đốt rẫy xong trước rằm tháng ba âm lịch thì rẫy sẽ ít cỏ, được mùa. Thời điểm rằm tháng ba là cái mốc phân đầu không ai muốn lỡ do rút kinh nghiệm về thời vụ từ bao đời. Theo phó tiến sĩ Nguyễn Thành Luông (Đài khí tượng thủy văn thành phố Hồ Chí Minh) thì

ngày mưa thật sự - ngày mưa trên 5 mm và sau đó dãy lượng mưa tích lũy trượt 5 ngày đạt từ 25 mm trở lên và liên tục, cách nhau không quá 4 ngày - trong vòng 15 năm trở lại đây, là từ khoảng 8 - IV đến 25 - V tức là khoảng giữa cuối tháng 3 và tháng tư âm lịch (báo Khoa học phổ thông số 176 ngày 1/6/1983). Chế độ mưa và thời gian mưa ở thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai không khác nhau mấy. Như vậy qua thực tiễn, người Châu Ro sản xuất theo quy luật diễn biến của khí hậu địa phương.

Người Châu Ro ở Bảo Chách và Ngãi Giao (huyện Châu Đức, Bà Rịa - Vũng Tàu) đã biết dự đoán thời tiết khá chính xác qua quan sát thiên nhiên. Khoảng cuối tháng 2 đầu tháng 3 âm lịch nếu ở núi Chứa Chan (Gung Char) có sấm - mà bà con gọi là **trời gầm đầu mùa** - thì sắp có trận mưa đầu mùa. Bên núi Chứa Chan cao hơn, thường mưa trước, có sấm chớp; nếu núi Thị Vãi (Gung Xoai) có tiếng vang đáp lại thì đó là bắt đầu mùa mưa. Ban đêm, những người tinh mắt ở Ngãi Giao nhìn thấy ở núi Thị Vãi có một hòn đá đỏ lừ, sáng ra thấy khói bốc lên, thì một tuần sau nhất định mưa đầu mùa. Vào mùa mưa, nhìn đồi núi phủ khói thì trời mưa liên tục; vào cuối mùa mưa, nếu thấy núi có khói thì hôm đó trời mưa. Khói ở đỉnh núi chính là mây bị địa hình cao đột khởi chặn lại

ắt gây mưa... Người Châu Ro nhìn trăng ban đêm thấy **tán màu xám** đoán sẽ có mưa nhỏ, nếu tán đen dày là sắp mưa to.

Người Châu Ro khá am tường vật hậu học, họ có câu: "*Ray nim đaq* (đọc là đạ) *Gung Char*": đầu mùa mưa, cây to (là anh) mọc ven Sông Ray khóc cỏ tranh (là em) mọc trên núi Chứa Chan còn bị nắng nên héo vàng; và cũng có câu: "*Gung Char đaq nim Ray*": giữa mùa mưa cỏ tranh (là em) trên núi Chứa Chan khóc anh (cây to) mọc ven sông Ray chết vì ngập nước. Khi họ thấy ếch kêu, ve kêu, thấy đuôi kỳ đà đen đều, các ké đầu xanh, xương ếch đen đi (khi bắt ăn thịt)... thì biết trời sắp mưa. Bà con cũng để ý quan sát thấy nước giếng tự nhiên cạn bớt là dấu hiệu trời sắp mưa...

Sau những trận mưa dông đầu mùa nửa cuối tháng 3 âm lịch, các gia đình bắt đầu tủa hạt bắp, bầu bí, dưa leo... Đàn ông hai tay cầm 2 gậy chọc lỗ (*xomol*) dài khoảng 2 m nhọn đầu (có thể bịt sắt) vừa đi vừa chọc 2 hàng lỗ. Một người chọc lỗ nhanh có thể đảm bảo cho vài phụ nữ đi sau tủa hạt. Họ cầm ống tủa (*ting xoay*) bằng lồ ô hoặc nứa dày gần 1m đựng hạt giống, dốc hạt ra bàn tay tự do thả 2, 3 hạt vào lỗ rồi cầm ống tủa lấp đất. Một tốp mỗi ngày có thể gieo hạt được vài công (1 công: $1.000m^2$).

Cuộc chưa được dùng nhiều để lật hoặc xới xáo đất. Rẫy được dọn, đốt xong thì người ta chọc lỗ tủa hạt nên rễ cây thường ăn nông làm đất mặt kiệt màu nhanh - nhất là đồng bào chưa bón phân - chưa kể đất mặt bị những trận mưa rào xối xả cuốn đi ròng rã 6 tháng mùa mưa.

Bắp, bầu bí, mướp, dưa leo... được tủa đầu tiên, mỗi lỗ cách nhau khoảng 60 cm. Đến tháng năm âm lịch, mưa đều hơn, đất đã *nguội*, bắp lên cao vài gang tay thì bà con bắt đầu tủa lúa và hạt bông cùng lúc. Khoảng cách từ 30 - 40 cm.

Theo tập quán, bà con thường tủa hạt rẫy cũ xong mới đến rẫy mới. Cách làm này có cơ sở khoa học: rẫy mới tuy tủa sau nhưng vì màu mỡ hơn nên cây trồng vẫn lớn kịp thứ tủa trước. Trên một mảnh rẫy, mùa đầu người Châu Ro trồng nhiều loại:

- * Phía ngoài cùng bắp, đậu ván, đậu rồng, mướp...

- * Ở vành đai trong, người ta trồng khoai mì

- * Ở giữa (trong cùng) người ta tủa lúa rẫy và xen bắp.

Đến mùa sau, rẫy đã cũ, được chia làm 3 mảnh trồng 3 thứ: lúa, bắp, khoai mì. Còn đậu ván, đậu rồng, mướp... trồng ở cạnh nhà. Trên mảnh

rẫy, cây trồng có thể đa dạng tùy sở thích chủ nhân. Mùa rẫy hàng năm bắt đầu sau khi bà con cúng *Yang lúa (Yang va)*. Họ thu hoạch bắp vào tháng 6 âm lịch, lúa nương vào tháng 10 ta.

Người Châu Ro ở các xã Xuân Phú, Xuân Thọ và một số nơi khác biết làm ruộng lúa nước thành thạo với kỹ thuật như người Việt (ở xen kẽ): cày bừa, gieo mạ rồi cấy và chăm sóc (tát nước, làm cỏ, bón phân. . .). Nơi sản nước, bà con có thể làm 2, 3 vụ mỗi năm: *vụ đông xuân* cấy tháng 11, 12 âm lịch và gặt tháng 3 âm lịch, *vụ hè thu* cấy tháng 5 gặt tháng 8 ta, vụ mùa cấy tháng 6 gặt tháng 11, 12 - nay ít làm, nơi nào cấy giống ngắn ngày vào tháng 9 thì gặt tháng 12 âm lịch. Ruộng lúa nước tỏ rõ tính hơn hẳn so với lúa rẫy: năng suất cao và ổn định, thâm canh tốt có thể đạt 4 tấn/vụ/ha.

Tập đoàn lúa của người Châu Ro phong phú chứng tỏ họ là cư dân nông nghiệp lâu đời. Họ trồng nhiều thứ lúa (*va, bar*):

* Lúa nếp có: nếp cái (nh'pal Chrau jro), nếp tép (*va con brih*), nếp trắng (*va xom*), nếp con cua (*bram bray cham*), nếp muối (*bram bray boh*), nếp than (*va bar chaông*), lúa nếp cha (nh'pal skan)

* Lúa tẻ có: lúa bãi trầu (*va brau Yang*), lúa va xe, lúa cà ké (*va keh*), lúa mờ ó (*va tơm*), lúa mang (*va djil*), lúa cung (*va kla*), lúa thơm tôn (*va kop*),

lúa mẹ (*va gup*), lúa mẫn (*va mẫ*), lúa khô vằn (*va chap chay*), lúa ruồi (*va thuc*)... và ngày nay họ cũng trồng lúa trắng tếp, ba bụi, ba xe...

Các loại hoa màu có: bắp (*tờ ngoi*, *xom*), khoai mì (*bum blang*), khoai lang (*bum brăng*), khoai mỡ (*bum tong*), khoai chụp (*bum brih*)...

Các loại rau đậu gồm: đậu, bầu (*tôh*), bí xanh (*là buôl*), bí đỏ (*ploi*), dưa leo (*rà pung*), dưa hấu (*cai*), mướp (*pai vuynh*), cà (*plân*)

Các loại cây gia vị có: ớt (*m'rêch*), sả (*plăng*), nghệ (*mút*), gừng...

Lịch thời vụ chính của người Châu Ro theo âm lịch:

CÂY TRỒNG	TỈA HẠT	THU HOẠCH
Bắp	Tháng 3,4	Tháng 6,7
Đậu xanh	Tháng 3,4	Tháng 6
Khoai lang vụ 1	Tháng 3,4	Tháng 7
Khoai lang vụ 2	Tháng 7	Tháng 10,11
Bầu, bí, mướp	Tháng 3,4	Tháng 6
Lúa rẫy	Tháng 5	Tháng 10,11
Bông	Tháng 5	Tháng 11
Khoai mì	Tháng 3,4	Tháng 10 trở đi

Từ lâu người Châu Ro trồng lúa theo âm lịch, một năm (*đuong ba*) chia làm mười hai tháng (*mât bar khay*), mỗi tháng có một số việc chính:

THÁNG Â.LỊCH	TÊN CHÂU RO	CÁC CÔNG VIỆC NÔNG NGHIỆP
Giêng	Khay muôi	Khai phá rẫy mới từ sau 15 ngày, làm be
Hai	Khay bar	làm mướn...(hai tháng công việc như nhau)
Ba	Khay pe	Nửa đầu tháng đốt rẫy, dọn rẫy cũ, có mưa thì tĩa bắp, bầu bí, dưa, mướp
Tư	Khay puôn	Như tháng ba
Năm	Khay prăm	làm cỏ rẫy, tĩa lúa, từ 5-5 gieo mạ mùa dài ngày...
Sáu	Khay prau	làm cỏ rẫy, thu hoạch hoa màu: bầu bí
Bảy	Khay pơ	Tiếp tục thu hoạch, tĩa bắp vụ 2, cấy lúa ruộng, cắm câu, đi săn...
Tám	Khay ph'am	Cắm câu. đi săn
Chín	Khay xin	Như tháng tám
Mười	Khay mât	Thu hoạch bắp vụ 2, khoai lang...
Mười	Khay mât	Thu hoạch lúa rẫy, bông, lúa

một	muôi	ruộng...
Chạp	Khay mâm bar	Đi săn, tát cá, làm be...

Từ tháng một tới tháng ba, được tương đối rảnh rỗi, các hộ Châu Ro nghèo thường đi làm mướn kiếm thêm tiền. Những gia đình có mức sống từ trung bình trở lên thì nghỉ ngơi, vui chơi dịp cúng thần lúa mà đồng bào gọi là **ăn nhang lúa** (*Yang va*) tổ chức từ sau Tết âm lịch của người Việt đến mùa rẫy mới (tháng ba âm lịch trở đi).

Đất núi rừng còn rộng, người thưa, cho đến nay đồng bào Châu Ro chưa bị trói vào cái "xiềng ba sào" - tương đương một công đất 1000 m², nhưng một gia đình có ba, bốn lao động chính và phụ cũng chỉ làm được 2, 3 ha rẫy là cùng. Sau khi tĩa hạt (lúa, bắp...) hơn một tháng thì cỏ dần dần lấn át cây trồng, tranh chất dinh dưỡng, ánh sáng, nước của cây trồng. Người ta cần cù làm cỏ bằng cào cỏ (nạo, xạc lai) mất nhiều thời gian, công sức. Vì vậy, nhiều gia đình bám rẫy suốt vụ bầy tám tháng liền, chỉ khi cần mới về nhà, tuy nhà chỉ cách rẫy một giờ đi bộ. Qua kinh nghiệm, người ta thấy rẫy cũ thường nhiều cỏ hơn rẫy mới, nơi đất dốc càng ít cỏ, đỡ tốn công làm cỏ. Năng suất cây trồng phụ thuộc vào sự màu mỡ của đất, thời tiết... Năm

nào mưa thuận gió hòa thì thu hoạch khá, năm nào nắng hạn nhiều chắc chắn thất thu. Mức 200 tạ lúa/ha rẫy tương đương 4 tấn/ha là mơ ước của mọi gia đình. Thu hoạch hơn 200 tạ, bà con sẽ cúng trả lễ bằng heo, đạt dưới mức này thì lễ vật chỉ là con gà.

Ở xen kẽ và tiếp xúc với người Việt và một số dân tộc anh em khác, người Châu Ro cũng biết làm ruộng nước từ khá lâu. Nhưng hầu như ruộng nước người Châu Ro mất công khai phá lần hồi bị thực dân Pháp và bọn địa chủ câu kết cướp đoạt. Vùng Bảo Chánh ở chân núi Chứa Chan (834 m) nay thuộc xã Xuân Thọ huyện Xuân Lộc, xưa kia là vùng trảng cỏ xen rừng chồi. Theo lời các cụ già, giữa trảng cỏ có khu *ruộng tiên* có một nước chảy quanh năm, bà con thường tới đó lấy nước ăn về mùa khô (Ông Hai Cửa nguyên chủ tịch UBMTTQ xã Xuân Thọ cho rằng một đám cháy làm chết cỏ đã hình thành khu ruộng tiên). Bà con phát cỏ, cho trâu giẫm nổi sinh lên để cấy lúa nước. Lần hồi, người ta khai phá toàn bộ trảng cỏ làm nên cánh đồng Bảo Chánh rộng hàng trăm ha. Chủ điền lớn Đỗ Cao Lụa, người xã Bình Trước, nay thuộc thành phố Biên Hòa, câu kết với *tổng* Nhay, lợi dụng tính thật thà chất phác của đồng bào Châu Ro, lén cho tay chân chôn một số trụ xi măng đánh dấu khu vực ruộng (bà con đã làm), rồi lập bằng khoán cướp

trắng. Đổ Cao Lạ sai tổng Nhảy di người Châu Ro vào Thọ Vực cách đó 6, 7 km, một số khác ra ở ruộng Tre cách 3 km. Đến năm 1950, quân Pháp bắt bà con tập trung về Bảo Chánh, Gia Ray để chúng dễ kiểm soát, mặt khác ngăn chặn cán bộ ta liên hệ, xây dựng cơ sở. Người Châu Ro phải mướn ruộng, hàng năm nộp tô mười gạ lúa/ha. Từ sau ngày Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam ra đời, lực lượng cách mạng mạnh lên, ta không cho chủ điền thu tô nữa.

Đồng bào Châu Ro ở ấp Túc Trưng (xã Bình Hòa, huyện Định Quán) bỏ nhiều công sức khai phá đất rừng ven quốc lộ 20 thành khu ruộng Choóc khoảng vài chục ha (ở phía tay mặt quốc lộ 20 hướng Biên Hòa - Đà Lạt). Năm 1955, quân Pháp và chính quyền Sài Gòn cướp khu ruộng này cấp cho số gia đình lính Mường di cư.

Nhưng thực dân Pháp cướp đất trên qui mô lớn và tàn bạo không địa chủ bản xứ nào sánh được. Từ năm 1906 trở đi, Công ty cao su Đông dương SLPH rồi Công ty cao su Xuân Lộc ở Hàng Gòn, Công ty cao su Đồng Nai... lần lượt ra đời. Chúng đuổi người Châu Ro khỏi địa bàn cư trú quen thuộc lâu đời - vùng đất đỏ rộng lớn trải dài từ Định Quán qua Long Khánh, Xuân Lộc tới Bà Rịa. Bà con phải đi tìm nơi lập làng mới, lấy một năm đất nơi sẽ cư trú mang về nộp chủ đồn điền. Nếu

đất đỏ, chúng còn đuổi tới khi nào mang đất trắng hay đất xám về mới thôi. Vốn bản tính thích sống tự do phóng khoáng, bà con rút vào sâu mãi. Số người ở lại đất cũ trở thành *cu ly* cao su. Bị dồn đuổi vào chốn heo hút, đất đai kém màu mỡ, cuộc sống của người Châu Ro ngày càng mòn mỏi, tàn lụi trên đà nguy cơ diệt vong như một số dân tộc anh em khác trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Thời gian làm nông nghiệp thực sự hàng năm của mỗi gia đình Châu Ro chỉ chừng 4 tháng. Lúc nhàn rỗi, họ làm kinh tế phụ: săn bắn, hái lượm, tát cá, dệt, đan lát, ăn ong, múc dầu chai...

Xưa kia, rừng già mệnh mông bao phủ khắp nơi, rất sẵn chim, thú. Săn bắn trước hết nhằm bảo vệ nương rẫy khỏi bị thú rừng phá hoại; mặt khác cung ứng thịt bù vào phần chăn nuôi nhỏ bé. Người Châu Ro săn bắn bằng nhiều loại dụng cụ, phổ biến nhất là *ná* (nỏ), *tên* (tên tẩm thuốc độc dùng săn thú lớn, có khi chỉ trầy da cũng không thoát chết), ngoài ra còn dùng *lao* săn voi, các loại *bẫy*, sau này có thêm *súng* (nhưng ít người có). Chó săn là công cụ sống rất đắc lực trong việc săn cáo, chồn... Người Châu Ro săn bắn: các chim rừng, công, gà lôi, trăn, hươu, nai, mang, mễn, khỉ, dộc, min, heo rừng, gấu, cạp, voi... (khoảng đầu những năm 1930 thị trấn Xuân Lộc mới lèo tèo người,

rừng còn nổi rừng, Chợ Xuân Lộc có dăm chục người bán hàng. Đồn điền mới mở, có những chiều hàng đàn voi kèn cồng lững thững vào sân nhà trong đồn điền, bình tĩnh ngơ ngác ngo quanh một lát rồi bỏ đi) (theo tài liệu của Lê Sắc Nghi - Công ty cao su Đồng Nai xuất bản)

Xưa kia, bà con trong làng thường đi săn tập thể bằng tên, ná hoặc đánh bẫy. Nhưng gần đây, đi săn cá nhân phổ biến hơn, nhất là khi đồng bào biết dùng súng. Thời gian đi săn thường vào ban đêm. Con thú bị bắn hạ được chia cho bà con, họ hàng, nếu là thú lớn như bò rừng, trâu rừng, min... thì cả sóc (*palây, đuplây*) nấu nướng ăn uống cả tuần liền, mọi người say sưa ca hát nhảy múa vui vẻ. Ai săn được thú đều cúng *Yang bri* để cảm ơn rừng cho cái ăn đều đều. Hàm răng thú (heo rừng, cheo, sóc, dộc, mễn, khỉ...) được người đi săn phơi khô, treo thành dãy trên xà nhà đánh dấu thành tích săn giỏi. Ông Năm Nổi ở Lý Lịch (xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu) hiện còn giữ được vài chục hàm răng thú như vậy. Nếu người đi săn qua đời, thân nhân đốt rồi vất bỏ các xương thú vào rừng. Chắc hẳn xưa kia săn bắn là nguồn cung cấp thực phẩm động vật quan trọng của người Châu Ro; nhưng ngày nay chỉ là nguồn thu nhập phụ thất thường ở vài nơi còn chim và thú.

Việc hái lượm rau rừng, măng, nấm, củ và quả rừng là nguồn thu nhập phụ của nhiều nhà. Người ta hái tất cả các loại cây cỏ có thể ăn được, trong đó đợt mây non vị đắng là thành phần không thể thiếu trong món canh bồi truyền thống gồm: đợt mây non ngâm nước muối, gạo tẻ giã bột, rau dền, đợt mướt... nấu với thịt (cheo, khỉ, nai, hươu... phơi khô) nêm sả ớt, mắm, muối... Canh bồi tương tự một thứ xúp. Nếu không có thịt khô, người ta thay bằng da, xương thú phơi khô (hoặc gác bếp). Hái rau là việc của đàn bà, con nít song đào củ chụp (củ mài) đòi hỏi sức khỏe của đàn ông. Với lưỡi thuổng nhỏ (nih) người ta đào theo gốc dây, có khi sâu 2, 3 m mới lấy hết các đoạn gãy vụn. Người ta chỉ đào củ chụp vào lúc giáp hạt, lúa đã hết; ngày nay phải đi xa mới có.

Vài chục năm trước đây, nghề ăn ong của người Châu Ro là nguồn thu nhập đáng kể. Các sách *Gia Định thành thông chí*, *Đại Nam nhất thống chí* đều đề cập đến nguồn lợi tự nhiên này ở tỉnh Biên Hòa (cũ). Hầu như khu rừng nào cũng có một số bộng ong, mỗi bộng có thể cho hàng chục lít mật và chùng một ký sáp. Mật và sáp ong dùng đổi lấy rìu, rựa, ché, muối... Nay nguồn lợi về ong rừng không đáng là bao.

Rừng Đồng Nai mọc ở vùng đồi núi thấp, ưu hợp cây họ *dầu dipterocarpaceae* tạo nghề mủc

dầu trai. Dầu này trộn xơ đay trét ghe xuống rất bền. Khi nghề đánh cá sông, biển phát triển, đòi hỏi đóng mới nhiều phương tiện thì người ta thi nhau đi tìm mô cây họ dầu. Ngày nay rừng bị tàn phá ghe góm, việc múc dầu trở nên khó khăn. Người Châu Ro cho đến thời kỳ gần đây chưa biết làm nghề chài lưới theo đúng nghĩa. (Hiện nay nhóm người Châu Ro ở Bình Châu, Xuyên Mộc, Bà Rịa-Vũng Tàu cách biển chừng một km tỏ ra xa lạ với việc đánh cá biển cũng như không biết làm muối biển). Người ta chỉ bắt cá lúc rảnh rỗi bằng cách rất nguyên thủy: đắp chặn một khúc suối nhỏ rồi tát cạn để bắt; tát cạn các đĩa, bầu nhỏ vào mùa khô; giã nát một số cây rừng: trái biên, dây vàng nghệ... thả xuống suối, cá ngấm chất độc nổi lên. Các hình thức câu, đặt lờ, đặt lợp chài... ít phổ biến và mới xuất hiện gần đây. Việc đánh bắt cá mang tính nguyên thủy phản ánh: cư dân Châu Ro sống ở vùng rừng núi Đồng Nai - cũng như ở các tỉnh bạn - từ lâu đời.

Vào lúc rảnh rỗi, thường là vào các buổi chiều, người Châu Ro đan các loại gùi lớn nhỏ dùng vào các việc: gùi rau, gùi củi, gùi lúa... ; một số lờ, lợp đánh cá, hộp đựng trà (*kruh*) bằng lá dứa; các tấm đệm nằm thay chiếu bằng dong rừng (*lùng*), lá bông... . Các chàng trai Châu Ro khéo tay trước đây thường là đối tượng được nhiều cô

gái ưa thích. Các sản phẩm đan lát là những tác phẩm mỹ nghệ thủ công độc lập. Ngày nay, tuy các loại rổ, rá, giỏ xách... bằng nhựa hoặc nhôm bán khắp nơi nhưng vào bất kỳ gia đình Châu Ro nào, chúng ta vẫn thấy đồ đan lát thủ công chiếm vị trí quan trọng.



Làng xưa

Nghề dệt vải bông cổ truyền xưa kia cung cấp trang Phục: áo (áo), khố (khô), váy (*xibut*: chăn mặc), chăn đắp (*xu*). Áo và khô rõ ràng là từ vay mượn, nói

lên người Châu Ro biết sử dụng các thứ này chưa lâu lắm. Ở các ấp Đồng Xoài, Đức Thắng (Túc Trưng, Định Quán) còn một số phụ nữ tuổi trên 40 biết dệt *xibut* và *xu* theo kỹ thuật cổ truyền. Bông thu hoạch ở rẫy tháng 11, 12 âm lịch đem về, dùng xa quay thành sợi thô (như sợi len) rồi giũ thành con cúi, đem hồ sợi cho cứng. Khung cửi chỉ là thanh gỗ ngang có chiều dài chừng 1 m, rộng 5 cm, dày 2 cm để mắc sợi dọc. Con thoi dài gần 1m đan sợi ngang. Độ một phút người ta mới lồng con thoi

qua hàng sợi dọc một lượt, do đó dệt một tấm chăn dài 2 m đòi hỏi khoảng thời gian chừng nửa tháng. Giá thành sản phẩm đắt hơn thứ bán ở chợ, trông lại thô tháp, vì vậy chị em chỉ dệt chăn vào lúc thật rảnh rỗi mùa khô. Hoa văn dệt nhiều kiểu thức biến đổi phức tạp, đẹp mắt song sản phẩm dệt này chỉ để dùng trong gia đình.

Phần lớn người Châu Ro sống bằng nương rẫy “ăn nước trời” với trình độ kỹ thuật khá nguyên thủy. Nhưng đã có một số ít trở thành công nhân kỹ thuật: lái máy cày, lái xe be (xe chở gỗ hạng nặng), sửa chữa máy móc... ở một số nông trường cao su có hàng trăm công nhân người Châu Ro.

PHẦN BA

CẤU TRÚC XÃ HỘI, GIA ĐÌNH VÀ TỤC LỆ

Trước cách mạng Tháng Tám 1945, chế độ gia đình lớn còn tồn tại thì ở vùng người Châu Ro cư trú người ta thấy có những ngôi *nhà dài* có khi đến gần 100 m. Những người thuộc lứa tuổi 60 trở lên còn thấy (vào lúc nhỏ) mỗi làng (*sóc, palây, đublây*) có vài dãy *nhà dài*. Mỗi dãy *nhà dài* là một gia đình lớn cùng tộc (họ), chia làm nhiều gia đình nhỏ.

Trong việc dựng nhà sàn dài, một già làng trưởng tộc tìm địa điểm ưng ý: khu đất đủ rộng, tương đối bằng phẳng, quang đãng, không xa nguồn nước... Ông dấy một vạt cỏ nhỏ, chọn 7 hạt gạo nguyên vẹn đặt xuống đó, úp chén ăn cơm lên. Qua một đêm thấy các hạt gạo vẫn y nguyên không xê xích thì ông cho nơi đó có thể dựng nhà (vì không có mối, kiến... mà mối là loại côn trùng nhiệt đới phá hoại nhà cửa, vật dụng bằng cây mạnh mẽ nhất, cần phải tránh xa). Trước khi cất nhà, ông làm lễ cúng đơn giản: con gà, chai rượu, bình trà, trầu cau... cầu khẩn các *Yang* và ông bà tổ tiên cho ở yên ổn và làm ăn được mùa.

Người Châu Ro ở Lý Lịch (Vĩnh Cửu) lấy cây *rượng* đo cẩn thận phạm vi nền nhà và bốn góc để khi dựng nhà các cột không xê dịch bao nhiêu, nền nhà không méo. Bà con cho rằng chọn được nền đất như vậy là tốt, gia đình sẽ bình yên không bị xáo trộn. Cột chọn trong rừng sâu có dáng thẳng, gỗ tốt, không có dây leo bám (như vậy chủ nhà không bị ràng buộc gì, hoàn toàn tự do). Người lớn tuổi chịu trách nhiệm dựng cây cột cái và cây đòn dông (nóc). Căn nhà người Châu Ro có gốc tính từ cột cái ở hướng đông ngọn ở hướng tây. Nhà dài được phân chia theo thứ bậc: góc phía đông nhiều ánh sáng dành cho cha mẹ, những khoang tiếp theo bố trí theo ngôi thứ con cái, cho đến phần nhà

dùng để tiếp khách. Sau khi cha mẹ qua đời, người anh hoặc chị lớn nhất sẽ ở vị trí dành cho cha mẹ trước kia, các người em đôn vị trí lên từng bước... *Nhà dài* có bộ cột tròn ít khi lột vỏ cây, để sơ cho kích thước bằng nhau. Tất cả các cột đều chôn sâu vũng chãi. Bà con thường làm cột bằng cây bằng lăng, gỗ, kiêng cũ cột gỗ cắm xe, cắm lai (cho là hệ lụy, ở nhà làm bằng cột gỗ này dễ bệnh tật, tính tình trở nên nóng nảy...). Nguyên vật liệu làm nhà gồm :

- Gỗ kèo, cột, dui... (bộ sườn nhà)

- Cau rừng hoặc tre nửa, lồ ô chẻ ra làm sàn và vách ngăn.

- Cỏ tranh, lá trung quân lợp mái, ngăn vách.

Dụng cụ làm nhà khá đơn giản: rìu, chà gạc, rựa. Các thứ: cửa, bào, đục tràng... mới dùng phổ biến sau năm 1954. Cho nên các cột, kèo, đòn tay... chỉ được cắt ngoàm, gác lên nhau rồi buộc bằng dây mây. Có nơi như Túc Trưng, Bảo Chánh... người Châu Ro mới cửa và *liu* (xẻ ván) sau ngày giải phóng ở các thợ mộc miền Bắc vào. Xưa người Châu Ro cứ dùng đinh vì cho rằng đinh *ém* cột, làm nặng hòm, nặng vĩa, dễ bệnh tật, làm ăn sút kém... Chỉ dùng dây mây. Nay dây mây khó kiếm và cũng đắt thì đinh lại được ưa chuộng. Gần đây, bà con làm nhà sàn nhỏ với bộ cột xẻ vòng, kê

tán (đá), bộ khung nhà liên kết bằng các mộng đục song, hệ thống cột nóc vẫn tồn tại (như vết tích *nhà dài cổ truyền*).

Mọi thành viên nam nữ của dòng họ tùy sức lực mà tham gia tìm kiếm, chuẩn bị gom vật liệu làm nhà. Thực ra hồi đó quanh làng là rừng bạt ngàn, là trảng cỏ rộng, chỉ một thời gian ngắn là mọi người có thể đủ nguyên vật liệu. Nhà dài là nơi cư trú của tập thể một dòng họ thân tộc gồm hàng chục gia đình trở lên, chia làm nhiều khoang, ngăn cách bằng vách liếp sơ sài, mỗi khoang dành cho một gia đình nhỏ. Khi chế độ gia đình lớn, tàn dư của công xã nông thôn tan rã, thay thế bằng chế độ một vợ một chồng, thì nhà sàn nhỏ thay thế nhà dài. Mỗi xóm ấp làng Châu Ro lúc này gồm vài chục nhà sàn nhỏ, nằm rải rác ven rẫy hoặc bao quanh một khu đất rộng. Người ta cất nhà không cần chọn hướng không lựa ngày tốt, chỉ cần cất nhà theo thế đất.

Nhà thường có sàn cao chừng 1,5 m, hai cửa hông với hai thang gỗ hoặc tre: thang người đi ở bên trái, thang chuồng gà (*nhi ier*) ở tay mặt. Nhà có một số lỗ trở làm cửa sổ, cửa ra vào không có cánh để đóng mở. Khoảng sàn nhà phía đông được đắp một ô đất (chống cháy) đó là bếp đun nấu. Khoảng giữa nhà rộng rãi là nơi ngồi chơi, ăn cơm, đan lát. Nửa sàn nhà phía tây là sạp tre dài

cao hơn sàn một chút, thường trải đệm chiếu (*vé/ r'tiêng*) đan bằng cây lũng (dong rừng) cỡ nhỏ, đó là nơi ngủ của gia đình. Phía trên nơi ngủ, gần sát mái nhà có bàn thờ dài bằng tre để cúng nhang lúa (*Yang va*), cúng chữa bệnh... Có nơi làm chuồng gà (*nhi ier*) trên nóc nhà sàn, có nơi làm ở gầm sàn cùng với chuồng heo. Đằng sau nhà ở là chòi lúa (*nhi va*), đó là nhà sàn nhỏ, sàn cao bằng đầu người (gần 2 m), có cầu thang. Nhà để lúa (*nhi va, cà uôn*) của đồng bào Châu Ro Lý Lịch (Vĩnh Cửu) được dựng bất cứ thời gian nào nhưng phải theo đúng hướng đông - tây như nhà ở, để mặt trời khỏi đi ngang đôn đông, nếu làm không đúng là xúc phạm đến *Yang va*, (Yang lớn nhất trong các Yang). Trước đây người Châu Ro cho rằng nếu cất thóc lúa trong nhà ở thì thần lúa (*Yang va*) và ông bà tổ tiên sẽ giận, sẽ làm thất mùa. Chòi lúa làm riêng biệt sẽ giữ được sự trong sạch, tôn kính với thần lúa. Đây là tàn tích của kinh tế công xã nông thôn khi các thành viên làm chung ăn chung, sản phẩm chia đều cho mọi người. Người phụ nữ đóng vai trò “tay hòm chìa khóa” cai quản phân phối kho lúa chung gọi là mẹ lúa (*mây va*).

Nhà làm xong, vị già làng làm lễ cúng, mâm lễ gồm: con gà luộc, nải chuối, bình trà, trầu cau... van vái ông bà tổ tiên cho con cháu mạnh khỏe, yên ổn, làm ăn trúng mùa.

Trải qua mấy chục năm chiến tranh, các nhà sàn dài cổ truyền đã bị phá hủy hết. Chính sách dồn dân của Pháp rồi Mỹ và vấn đề thiếu gỗ trong rừng khiến người Châu Ro làm nhà trệt theo kiểu nhà người Việt. Vật liệu làm nhà gồm: gỗ xẻ, cây nhỏ, tranh, tre, tôn, đinh sắt... Số nhà gạch thay dần nhà tranh sơ sài. Mỗi gia đình thường có bàn ghế, giường ngủ, sạp tre (*chà nong cà la*) to hơn giường ngủ để gia đình ngồi ăn

cơm - tàn dư chiếc sàn nhà xưa - ở Túc Trưng, bà con Châu Ro dựng một số nhà sàn kiểu thức kiến trúc vila. Nhà cửa sắp xếp có tổ chức kiểu quần cư đô thị, đường đi lại trong xóm áp rộng và thẳng đủ cho ô tô chạy. Một số vườn nhà trồng cây ăn quả, khoai mì, bầu bí... Ở Bảo Vinh, Suối Chồn (Long Khánh) người Châu Ro trồng cà phê hàng hóa. Cơ cấu cây trồng có biến đổi nhưng chậm, cuộc sống chủ yếu vẫn trông vào nương rẫy, rừng núi.

Xưa kia, người đàn ông Châu Ro đóng khố (*khô*), đàn bà mặc váy (*xibut* - chăn mặc), nửa thân trên ở trần như các dân tộc Nam Trường Sơn - Tây Nguyên. Khố đã biến mất từ lâu, đàn ông Châu Ro đứng tuổi chỉ nghe nói chứ ít người thấy. Váy còn một ít ở Túc Trưng, được phụ nữ mặc vào lúc múa hát văn nghệ, hoặc chụp ảnh. Đàn ông hay để đầu trần, đàn bà cũng dùng nón; đồ trang sức ưa thích là chuỗi hạt cườm nhiều màu, còn các loại vòng đồng và bạc đã bán hết từ lâu.

Người Châu Ro hút thuốc lá rê (*yú, hăm, nao*), phụ nữ cũng ăn trầu (*mlù*) với cau (*pa nong, play xia*). Thường ngày họ ăn cơm tẻ; gạo nếp là lương thực quý dùng làm các loại bánh: *piêng đinh* (cơm lam nướng trong ống nứa), *piêng puh* (bánh dày trộn mè) *piêng chum* (bánh tét)... Rượu quảng còn gọi là rượu (*xe tom*) là rượu cần làm vào dịp ăn

nhang lúa, cưới xin, ma chay, làm nhà... đòi hỏi thời gian chuẩn bị khá lâu.



Cách làm rượu quảng: gạo nếp lúc hoặc gạo tẻ nấu chín đem chải ra cho nguội. Lấy lá cây cù đen (*bun mai*) lót ở thúng rồi đổ cơm vào ủ, phủ lá cù đen lên trên cho kín. Để vài ngày, cơm lên men, đem phơi nắng cho khô rồi đưa vào cối giã nhỏ thành bột. Lấy vỏ cây *dâu da rừng*, vỏ cây *binh linh* đun lên chừng một tiếng để nguội rồi

cho bột meo vào quậy kỹ, đều. Nút ché rượu bằng lá trung quân, cho thêm nước và để nguội một thời gian cho lên men. Rượu cốt có màu trà nâu đậm, đục, vị rượu lạt và hơi chua như bia. Người ta rút rượu cốt ra để lắng rồi đổ đầy nước lã đến miệng ché. Khi uống cắm các cần trúc nhỏ, mời khách hút rượu. Rượu vơi đến đâu người ta đổ nước đầy thêm đến đó. Càng uống, rượu quảng càng lạt. Có gia đình làm lễ ăn nhang chuẩn bị tới dăm ché rượu quảng. Khi rượu quảng lạt quá, người ta mua rượu đế (*lãc*) để cuộc nhậu vui có thể kéo dài, tình bà con, xóm giềng càng thêm khăng khít.

Làng (*pa lây, đư blây, sóc*) là đơn vị hành chính của một tập hợp gia đình cùng dòng họ,

cũng có thể thuộc vài tộc xen kẽ. Ranh giới làng xưa không rõ rệt, gồm vài nhà sàn dài (sau này là vài chục nhà sàn nhỏ) ở gần khu rẫy hoặc ruộng, số nhân khẩu ít khi vượt số trăm. Mỗi làng là một lõm nhỏ lọt thỏm giữa rừng già mênh mông. Khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ nhì (1945 - 1954), chúng gom đồng bào Châu Ro vào một số điểm để kiểm soát. Thời Mỹ ngụy, chúng gom dân triệt để hơn, thành lập các ấp ven lộ nhằm cách ly đồng bào với cách mạng. Chúng chia đất thành lô, bắt làm nhà có hàng lối.



Già bánh piêng puh

Xưa kia, đứng đầu mỗi nhà dài là vị trưởng họ gọi là *ông đầu nhang* (*voh Yang va*). Đó là người là có uy tín, có kinh nghiệm sản xuất và chiến đấu, được mọi người tuân phục cử ra. Nếu là xóm nhỏ giữa rừng, thì người đứng đầu gọi là mẹ sóc, *mây srok* (tàn tích chế độ mẫu hệ dù *mây srok* là đàn ông).

Trưởng họ hoặc mẹ sóc họp thành hội đồng già làng đứng ra lãnh đạo mọi người: dời làng, dựng nhà, tổ chức làm ăn, cúng lễ, vui chơi, đi săn, tát cá... Song các cụ già Châu Ro tuổi xấp xỉ 80 cho biết chỉ nghe nói lại chứ không thấy Hội đồng già làng, họ chỉ thấy các vị *đầu nhang* và chức sắc

chính quyền cũ: ông tổng (cai tổng), ông xã (xã trưởng), ông cả, cai tuần... Các chức sắc nói chung thuộc loại khá giả, có tài sản: trâu, ché, đồng la... xét xử công việc làng xóm và thực hiện những gì do cấp trên đưa xuống.

Xã hội Châu Ro chưa phân hóa rõ rệt giàu nghèo. Gia đình nhiều lao động, có tiền bạc dư dả thì cũng làm tới vài mẫu rẫy. Trung bình mỗi hộ chỉ làm một, hai mẫu. Trong xã hội người Việt cũ, ai chiếm hữu nhiều ruộng đất sẽ giàu nhờ bóc lột tô tức. Ở khu vực người Châu Ro cư trú, đất canh tác - tự liệu sản xuất chính - không thiếu, sức người có hạn nên việc khai phá nương rẫy cũng có hạn. Mỗi làng chỉ có một số ít hộ dư dả chút đỉnh do đông lao động, trúng mùa, ít bệnh tật... Phần lớn số hộ thiếu ăn vài tháng - chính xác là thiếu gạo, hoa màu: khoai mì, khoai lang, củ chụp vẫn có cho 2 bữa - đó là các hộ neo đơn, hay bệnh tật, chủ hộ thiếu chăm chỉ, chi tiêu thiếu kế hoạch... Trong chế độ cũ, một số chức sắc Châu Ro lợi dụng uy quyền, bóc lột dân làng về sức lao động, ăn phạt... mà có của hơn người khác.

Người Châu Ro không có nô lệ trong nhà như người Xtiêng. Dù nghèo khổ đến đâu họ cũng chỉ bỏ sức lao động để kiếm ăn chứ **không đi ăn xin ăn mày**, đó là nét phẩm chất đặc sắc cao đẹp.

Cộng đồng người Châu Ro có những luật lệ truyền miệng mà mỗi thành viên phải theo. Các vi phạm tục lệ: phụ nữ chữa hoang, loạn luân, vào nhà đã cấm lá cấm... đều bị xử phạt: đòn, ăn phạt ché, heo, gà, rượu... các hiện tượng tranh chấp ruộng rẫy xích mích đánh lộn, cướp của giết người... hầu như chưa từng xảy ra nên chưa có luật miệng nói tới cần xử phạt thế nào. Nội bộ người Châu Ro sống đoàn kết thuận hòa, thân ái giúp nhau vô tư. Mọi việc hòa giải, xét xử các vi phạm, thường tiến hành trong nội bộ dòng họ thân mà người xét xử chính là ông đầu nhang, ít khi đưa ra làng nhờ các chức sắc phân xử.

Trong cộng đồng người Châu Ro ở Lý Lịch, nếu có ai bị mất cắp vật gì, và có đối tượng bị nghi ngờ thì họ làm *lễ thề*. Mỗi bên đều có lễ vật gồm: một cây đèn cầy, 7 lá gạo vàng, 7 lá cà độc dược, một con gà lông trắng, một chén vỏ cây chùm lum. Người mất của trình bày với Yang xin Yang phán xử thanh minh với người mình nghi. Người bị nghi lấy cắp (mà không lấy) thì thề đại ý: "Tôi là người bị nghi lấy cắp của người khác nên tôi trình Yang xem xét. Nếu tôi có lấy cắp thiệt, xin Yang phạt tôi và cả dòng họ tôi chết hết như lá gạo, lá cà vào mùa nắng (2 loại cây này rụng hết lá vào mùa khô - người viết chú) còn không, xin Yang giải oan cho tôi cho cả dòng họ tôi sống như cây rừng xanh tươi

mạnh mẽ...”. Tình trạng trộm cắp rất hiếm xảy ra vì họ sợ Yang phạt như lời thề độc.

Tổ chức gia đình lớn với ông đầu nhang nhiều uy quyền đã tan rã khá lâu trước Cách mạng Tháng Tám 1945. Bây giờ tế bào cơ bản của người Châu Ro là *gia đình nhỏ* một vợ một chồng theo chế độ dòng cha, tuy còn rơi rớt ảnh hưởng chế độ dòng mẹ qua tục ở rể. Người cha là lao động trụ cột trong gia đình, có quyền quyết định mọi việc song ít khi tỏ ra độc đoán mà thường bàn bạc với vợ. Người phụ nữ làm công việc không đòi hỏi sức mạnh cơ bắp của nam giới và việc nội trợ nuôi con... Họ vẫn giữ vai trò đáng kể trong nhà, tương đối bình đẳng với nam giới. Nhưng vì chưa quen hoạt động xã hội nên người phụ nữ Châu Ro còn tự ti, trong đó yếu tố trình độ văn hóa thấp thực sự cản trở họ tham gia công tác đoàn thể xã hội. Do đó cần cấp thiết nâng cao trình độ văn hóa cho chị em trong quá trình giải phóng phụ nữ, tạo sự bình đẳng thật sự với nam giới.

Người Việt, người Hoa... còn rơi rớt tư tưởng coi trọng con trai nhưng người Châu Ro cũng như các dân tộc ở vùng Đông Nam Bộ - Nam Trường Sơn - Tây Nguyên có phần quý con gái hơn vì họ cho rằng con gái có hiếu với cha mẹ, gắn bó với cha mẹ hơn con trai. Con gái lấy chồng vẫn ở cùng và nuôi cha mẹ, con trai lớn lên lấy vợ, theo vợ,

nuôi cha mẹ vợ - đây là tàn tư chế độ theo dòng mẹ.

Khi cha mẹ chết, các con đều được chia tài sản để “làm kỷ niệm”. Cha mẹ thường sống với con gái út. Trong một gia đình Châu Ro ngày nay, hiếm thấy cảnh một số chị em gái và chồng con của họ cùng chung sống một mái nhà, vì gia đình lớn đã tan rã từ lâu.

Trong quan hệ thân tộc, người Châu Ro nói chung không phân biệt dòng cha, dòng mẹ qua ngôn ngữ:

- Ông (nội, ngoại) đều gọi là *câu*
- Bà (nội, ngoại) đều là *un*
- Cha (chồng vợ) đều là *vàp*
- Mẹ (chồng, vợ) đều là *mê, mây*

Nếu người đàn ông nói *vàp po, mê po* là nói về cha mẹ vợ; người đàn bà nói *vàp po, mê po* là nói cha mẹ chồng

- Con đẻ là con vợ; con trai là con klô; con gái là con ur
- Con (rể, dâu) đều gọi con m'xa
- Cháu (nội, ngoại) đều gọi là xnao
- Cháu (con chú bác) đều gọi là mon